

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 5156 /VPCP-KSTT

V/v mẫu báo cáo về tình hình và kết quả thực hiện Quyết định số 945/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ

Hà Nội, ngày 28 tháng 7 năm 2011

Kính gửi:

- Bộ, cơ quan ngang Bộ;
- UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Các cơ quan: Bảo hiểm Xã hội Việt Nam, Ngân hàng Phát triển Việt Nam, Ngân hàng Chính sách xã hội, Đài Truyền hình Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam, Thông tấn xã Việt Nam, Cổng Thông tin điện tử của Chính phủ.

Nhằm tạo điều kiện cho các bộ, ngành, địa phương báo cáo về tình hình và kết quả thực hiện Quyết định số 945/QĐ-TTg ngày 20 tháng 6 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ một cách đầy đủ, thống nhất và có chất lượng, Văn phòng Chính phủ xin gửi đến Quý Cơ quan mẫu báo cáo định kỳ hàng quý về Quyết định này (xin đính kèm).

Mẫu báo cáo này được sử dụng chung để báo cáo về tình hình và kết quả thực hiện Quyết định số 945/QĐ-TTg ngày 20 tháng 6 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc phân công các bộ, ngành, địa phương thực hiện Nghị quyết số 57/2010/QH12 của Quốc hội về kết quả giám sát việc thực hiện cải cách thủ tục hành chính trong một số lĩnh vực liên quan trực tiếp đến công dân và doanh nghiệp theo chương trình tổng thể cải cách hành chính giai đoạn 2001 – 2010; Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát TTHC; Nghị định số 20/2008/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2008 của Chính phủ về tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính.

Trước ngày 15 của tháng cuối quý, đề nghị Quý Cơ quan có báo cáo gửi Thủ tướng Chính phủ theo nội dung quy định trong mẫu báo cáo này./

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- TTgCP, các Phó TTgCP (để báo cáo);
- VPCP: BTCN, các PCN, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công TTĐT;
- Lưu: VT, KSTT (5) Tuần. 135

**BỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆM**



Nguyễn Xuân Phúc



**MẪU BÁO CÁO**  
**VỀ TÌNH HÌNH VÀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN QUYẾT ĐỊNH SỐ 945/QĐ-TTg**  
**NGÀY 20 THÁNG 6 NĂM 2011 CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**  
*(Ban hành kèm theo Công văn số: 5156/VPCP-KSTT*  
*ngày 28 tháng 7 năm 2011 của Văn phòng Chính phủ)*

TÊN CƠ QUAN

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /BC-....

..., ngày ... tháng ... năm 20...

**BÁO CÁO**

**Về tình hình và kết quả thực hiện Quyết định số 945/QĐ-TTg**  
**ngày 20 tháng 6 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ**  
**tại (Bộ, ngành, địa phương<sup>1</sup>) trong Quý ... năm 20 ...**

(Bộ, ngành, địa phương) báo cáo Thủ tướng Chính phủ về tình hình và kết quả thực hiện Quyết định số 945/QĐ-TTg ngày 20 tháng 6 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc phân công các bộ, ngành, địa phương thực hiện Nghị quyết số 57/2010/QH12 của Quốc hội về kết quả giám sát việc thực hiện cải cách thủ tục hành chính trong một số lĩnh vực liên quan trực tiếp đến công dân và doanh nghiệp theo Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2001 - 2010 của (Bộ, ngành, địa phương) trong Quý .../20... (và ... Quý đầu năm 20...) như sau:

**I. Về tình hình và kết quả thực hiện Quyết định số 945/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ**

**1. Thực hiện đánh giá tác động (ĐGTĐ) quy định về thủ tục hành chính (TTHC)**

STT	Tên loại và trích yếu dự thảo VBQPPL có quy định về TTHC đã được ĐGTĐ trong kỳ báo cáo	Tổng số TTHC quy định trong dự thảo đã được ĐGTĐ	Phân loại TTHC quy định trong dự thảo đã được ĐGTĐ			Ghi chú
			Số lượng TTHC dự kiến bổ sung mới	Số lượng TTHC dự kiến sửa đổi, bổ sung, thay thế	Số lượng TTHC dự kiến bãi bỏ, hủy bỏ	
1						
2						

<sup>1</sup> Bộ, ngành được hiểu là bộ, cơ quan ngang bộ và Ngân hàng Phát triển VN, Ngân hàng Chính sách xã hội, Bảo hiểm Xã hội VN. Địa phương được hiểu là UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

## 2. Ban hành, công bố và cập nhật cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC

(Theo mẫu tại Phụ lục 01)

## 3. Tình hình triển khai việc rà soát quy định, thủ tục hành chính

a) Rà soát quy định, thủ tục hành chính trong kỳ báo cáo (sau đây gọi chung là quy định hành chính)

STT	Số, ký hiệu, ngày tháng năm ban hành, tên loại và trích yếu VBQPPL ban hành quy định hành chính được rà soát	Tên quy định hành chính được rà soát	Phương án đề xuất đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt trên cơ sở kết quả rà soát <sup>2</sup>
1			
2			

b) Tình hình thực thi phương án đề xuất đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt trên cơ sở kết quả rà soát của bộ, ngành, địa phương tính lũy kể từ đầu năm đến kỳ báo cáo

(Theo mẫu tại Phụ lục 02)

## 4. Tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị (PAKN) của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính

a) Tình hình tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính

PAKN của cá nhân, tổ chức	Số PAKN đã tiếp nhận trong kỳ báo cáo	Phân loại PAKN			Số PAKN lũy kể từ đầu năm		
		Thuộc phạm vi xử lý		Không thuộc phạm vi xử lý	Thuộc phạm vi xử lý		Không thuộc phạm vi xử lý
		Đang xử lý	Đã xử lý xong		Đang xử lý	Đã xử lý xong	
Về hành vi <sup>3</sup>							
Về nội dung quy định hành chính							
Tổng số							

<sup>2</sup> Phương án đề xuất nêu rõ nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ quy định hành chính.

<sup>3</sup> Phản ánh, kiến nghị về hành vi không tuân thủ các quy định hành chính của cán bộ, công chức, cơ quan hành chính nhà nước.

b) Hình thức phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính

Hình thức PAKN	Số PAKN được tiếp nhận trong kỳ báo cáo	Số PAKN được tiếp nhận tính lũy kế từ đầu năm
Điện thoại		
Văn bản		
Thông điệp dữ liệu		
Hình thức khác (qua phương tiện thông tin đại chúng, hội nghị, hội thảo...)		
Tổng số		

c) Tóm tắt tình hình, kết quả xử lý phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính có đủ cơ sở xem xét xử lý theo quy định tại Điểm c Khoản 2 Điều 14 Nghị định số 20/2008/NĐ-CP trong kỳ báo cáo.

**5. Tình hình và kết quả thực hiện nhiệm vụ khác được quy định tại Quyết định số 945/QĐ-TTg.**

a) Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Khoa học và Công nghệ, Nội vụ, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Thông tin và Truyền thông, Xây dựng và Văn phòng Chính phủ báo cáo tình hình và kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao tại Điều 2 Quyết định số 945/QĐ-TTg.

b) Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương báo cáo về việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ, bãi bỏ các quy định về TTHC thuộc thẩm quyền đề phù hợp với văn bản QPPL do các cơ quan Trung ương ban hành nhằm thực thi các phương án đơn giản hóa TTHC được quy định tại Khoản 9 Điều 1 Quyết định số 945/QĐ-TTg.

c) Các cơ quan: Đài Truyền hình Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam, Thông tấn xã Việt Nam và Cổng Thông tin điện tử của Chính phủ báo cáo tình hình và kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao tại Điều 3 Quyết định số 945/QĐ-TTg<sup>4</sup>.

**6. Nội dung khác<sup>5</sup>**

a) Việc ban hành đồng bộ, cụ thể các chính sách, quy chuẩn, tiêu chuẩn, định mức kinh tế - kỹ thuật gắn với việc giải quyết TTHC trên các lĩnh vực kinh tế - xã hội.

b) Kiện toàn tổ chức Phòng Kiểm soát TTHC và thiết lập hệ thống cán bộ đầu mối tại vụ, cục, sở, ban, ngành, UBND-cấp huyện và cấp xã.

<sup>4</sup> Đài Truyền hình Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam, Thông tấn xã Việt Nam và Cổng Thông tin điện tử của Chính phủ chỉ báo cáo những nội dung công việc nêu tại Điểm này.

<sup>5</sup> Không cần nêu tất cả các nội dung đề cập trong Khoản 6, chỉ nêu những điểm mới, sự việc mới phát sinh trong kỳ báo cáo.

c) Về công tác xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện văn bản triển khai nhiệm vụ trong nội bộ của Bộ, ngành, địa phương (Quy chế, Quy trình, Kế hoạch...).

d) Về tình hình thực hiện nghiêm yết công khai các quy định về thủ tục hành chính theo Quyết định công bố tại trụ sở cơ quan, đơn vị trực tiếp giải quyết thủ tục hành chính cho người dân và doanh nghiệp.

đ) Hoạt động đôn đốc, tập huấn hướng dẫn nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính.

e) Về công tác thanh tra, kiểm tra: số lần thanh tra, kiểm tra việc thực hiện kiểm soát thủ tục hành chính; hình thức kiểm tra; kết quả kiểm tra.

g) Công tác thông tin, truyền thông của bộ, ngành, địa phương.

h) Việc khen thưởng, xử lý cán bộ, công chức vi phạm quy định về kiểm soát thực hiện thủ tục hành chính.

i) Những nội dung khác (nếu có).

**II. Tình hình, kết quả thực hiện các phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt trên cơ sở kết quả rà soát của Đề án Đơn giản hóa TTHC trên các lĩnh vực quản lý nhà nước giai đoạn 2007 - 2010**

*(Theo mẫu tại Phụ lục 03)*

**III. Đánh giá chung về tình hình, kết quả thực hiện Quyết định số 945/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ**

### **1. Đánh giá chung**

Đánh giá chung về tình hình, kết quả thực hiện Quyết định số 945/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ của (Bộ, cơ quan, địa phương) trong kỳ báo cáo hoặc trong 6 tháng/ cả năm (đối với báo cáo quý II và quý IV).

### **2. Khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện**

### **3. Đề xuất, kiến nghị để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc./.**

**Nơi nhận:**

- Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Chính phủ;
- ...
- Lưu: VT, ...

**QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA  
NGƯỜI KÝ  
(Chữ ký, dấu)**

**Họ và tên**

**PHỤ LỤC 01**

**Tình hình ban hành, công bố và cập nhật cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC**

*(Kèm theo Báo cáo số: /BC-... ngày ... tháng ... năm 20... của ...)*

**1. Tình hình ban hành và công bố công khai các quy định về TTHC**

STT	Số, ký hiệu, ngày tháng năm ban hành và tên loại, trích yếu của VBQPPL có quy định về TTHC được ban hành trong kỳ báo cáo	Tên TTHC được ban hành, sửa đổi, bổ sung, thay thế, hủy bỏ, bãi bỏ trong văn bản nêu tại cột (1)	Số, ký hiệu, ngày tháng năm ban hành Quyết định công bố TTHC	Số, ký hiệu, ngày tháng năm của văn bản đề nghị VPCP công khai (hoặc không công khai) TTHC vào CSDL QG về TTHC	Trong đó, số TTHC đề nghị	
					Công khai	Không công khai
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1		TTHC A				
2		TTHC B				
...						
Tổng số		<i>(Số lượng TTHC)</i>	<i>(Số lượng văn bản)</i>	<i>(Số lượng văn bản)</i>	<i>(Số lượng TTHC)</i>	<i>(Số lượng TTHC)</i>
Lũy kế từ đầu năm		<i>(Số lượng TTHC)</i>	<i>(Số lượng văn bản)</i>	<i>(Số lượng văn bản)</i>	<i>(Số lượng TTHC)</i>	<i>(Số lượng TTHC)</i>

## 2. Theo dõi tình hình biến động về TTHC

### a) Đối với Bộ, ngành

Tổng số TTHC thuộc phạm vi chức năng quản lý của bộ, ngành		Lý do gây ra biến động về tổng số TTHC trong kỳ báo cáo
Tổng số TTHC trong kỳ báo cáo	Tổng số TTHC trong kỳ báo cáo trước	

### b) Đối với địa phương

Tổng số TTHC đã được công bố thuộc thẩm quyền giải quyết và được thực hiện tại các cấp chính quyền		Lý do gây ra biến động về tổng số TTHC trong kỳ báo cáo
Tổng số TTHC trong kỳ báo cáo	Tổng số TTHC trong kỳ báo cáo trước	

**PHỤ LỤC 02**

**Tình hình thực thi phương án đề xuất đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt trên cơ sở kết quả rà soát của bộ, ngành, địa phương tính lũy kế từ đầu năm đến kỳ báo cáo**

*(Kèm theo Báo cáo số: /BC-... ngày ... tháng ... năm 20... của ...)*

**1. Đối với Bộ, ngành**

STT	Tên quy định hành chính cần được sửa đổi, bổ sung, thay thế, hủy bỏ hoặc bãi bỏ theo kết quả rà soát đã được phê duyệt	Số, ký hiệu, ngày tháng năm ban hành và tên loại, trích yếu của VBQPPL có quy định hành chính nêu ở cột (1)	Mã số TTHC trong CSDL quốc gia về TTHC (nếu rà soát TTHC)	Tình hình thực hiện phương án đề xuất					Đã hoàn thành việc thực hiện phương án đề xuất	Ghi chú
				Quy định hành chính hoặc bộ phận cấu thành được quy định trong văn bản thuộc thẩm quyền ban hành của bộ, ngành		Quy định hành chính hoặc bộ phận cấu thành được quy định trong văn bản không thuộc thẩm quyền ban hành của bộ, ngành nhưng do bộ, ngành chủ trì dự thảo				
				Chờ sửa đổi, bổ sung văn bản khác	Đã ban hành	Chờ sửa đổi, bổ sung văn bản do bộ, cơ quan khác chủ trì soạn thảo	Đã trình cấp có thẩm quyền ban hành	Đã ban hành		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	
Tổng số										



## 2. Đối với địa phương

STT	Tên quy định hành chính cần được sửa đổi, bổ sung, thay thế, hủy bỏ hoặc bãi bỏ theo kết quả rà soát đã được phê duyệt	Số, ký hiệu, ngày tháng năm ban hành và tên loại, trích yếu của VBQPPL có quy định hành chính nêu ở cột (1)	Mã số TTHC trong CSDLQG (nếu quy định rà soát là TTHC)	Quy định hành chính hoặc bộ phận cấu thành được quy định trong văn bản thuộc thẩm quyền ban hành của địa phương		Đã hoàn thành việc thực hiện phương án đề xuất	Ghi chú
				Chờ sửa đổi, bổ sung văn bản khác	Đã ban hành		
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Tổng số							

**PHỤ LỤC 03**

**Tình hình, kết quả thực hiện các phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt trên cơ sở kết quả rà soát của Đề án Đơn giản hóa TTHC trên các lĩnh vực quản lý nhà nước giai đoạn 2007 - 2010**  
*(Kèm theo Báo cáo số: /BC-... ngày ... tháng ... năm 20... của ...)*

**1. Đối với Bộ, ngành**

STT	Tên TTHC cần được đơn giản hóa	Số, ký hiệu, ngày tháng năm ban hành và tên loại, trích yếu của VBQPPL có quy định về TTHC cần được đơn giản hóa	Mã số TTHC trong CSDL quốc gia về TTHC	Tình hình thực hiện phương án đơn giản hóa TTHC					Đã hoàn thành việc thực thi phương án đơn giản hóa	Ghi chú
				TTHC hoặc bộ phận cấu thành được quy định trong văn bản thuộc thẩm quyền ban hành của bộ, cơ quan		TTHC hoặc bộ phận cấu thành được quy định trong văn bản không thuộc thẩm quyền ban hành của bộ, cơ quan nhưng do bộ, cơ quan chủ trì dự thảo				
				Chờ sửa đổi, bổ sung văn bản khác	Đã ban hành	Chờ sửa đổi, bổ sung văn bản do bộ, cơ quan khác chủ trì soạn thảo	Đã trình cấp có thẩm quyền ban hành	Đã ban hành		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	
Tổng số										

## 2. Đối với địa phương

STT	Tên TTHC cần được đơn giản hóa	Số, ký hiệu, ngày tháng năm ban hành và tên loại, trích yếu của VBQPPL có quy định về TTHC cần được đơn giản hóa	Mã số TTHC trong CSDLQG về TTHC	TTHC hoặc bộ phận cấu thành được quy định trong văn bản thuộc thẩm quyền ban hành của địa phương (QĐ của UBND hoặc NQ của HĐND)		Đã hoàn thành việc thực thi phương án đơn giản hóa	Ghi chú
				Chờ sửa đổi, bổ sung văn bản khác	Đã ban hành		
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Tổng số							

### Hướng dẫn cách điền thông tin vào các cột ở Phụ lục 02 và Phụ lục 03:

#### - Đối với bộ, ngành:

- + Cột (4) và (6): ghi rõ số ký hiệu, ngày tháng năm ban hành, tên loại và trích yếu của văn bản cần sửa đổi;
- + Cột (5) và (8): ghi rõ tên loại văn bản quy định TTHC được đơn giản hóa;
- + Cột (7): ghi rõ số, ký hiệu, ngày tháng năm và trích yếu của Tờ trình;
- + Cột (9): đánh dấu x đối với các TTHC đã hoàn thành việc thực thi đơn giản hóa theo phương án đã được phê duyệt.

#### - Đối với địa phương:

- + Cột (4): ghi rõ số ký hiệu, ngày tháng năm ban hành, tên loại và trích yếu của văn bản cần sửa đổi (có thể là quyết định của TTgCP, nghị định của CP hay luật, pháp lệnh của QH, UBTWQH);
- + Cột (5): ghi rõ tên loại văn bản quy định TTHC được đơn giản hóa;
- + Cột (6): đánh dấu x đối với các TTHC đã hoàn thành việc thực thi đơn giản hóa theo phương án đã được phê duyệt.